

Số:100/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 209/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông Phạm Quang T, sinh năm 1997; Số CCCD: 048097002028, cấp ngày 07/02/2022; nơi cấp: Cục C về TTXH; Địa chỉ: Tổ B, thôn E, xã B, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997; Số CCCD: 049197011322 cấp ngày 27/06/2021; nơi cấp: Cục C; Địa chỉ: Tổ C, thôn Đ, xã H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu Hòa kết H1 với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng cũ, nay là xã B, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 06/06/2022), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại tổ B, thôn E, xã B, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do: Quan điểm sống vợ chồng không phù hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng và kéo dài không thể khắc phục được, hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông T và bà H đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận

được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Quang H2, sinh ngày 30/11/2023. Ly hôn, ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất thỏa thuận giao con chung Phạm Quang H2, sinh ngày 30/11/2023 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Quang T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về quan hệ tài sản chung*: ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

[4] *Về Nợ chung*: ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu Hòa thuận T1 ly hôn.

- *Về con chung*: Giao con chung Phạm Quang H2, sinh ngày 30/11/2023 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Quang T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 11/2025

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Quang T không thực hiện việc cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về quan hệ tài sản chung*: ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

- *Về Nợ chung*: ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002567 ngày 29/9/2025 của cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đ. Như vậy ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Bà Nà, TP Đà Nẵng
(theo GCNKH số 24 ngày 06/06/2022
Tại UBND xã Hòa Ninh cũ);
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương